

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-PT

Ngày 28 - 12 - 2022

V/v Tranh chấp yêu cầu không
công nhận vợ chồng, xác định cha
cho con, cấp dưỡng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Thẩm phán: 1/. Ông Nguyễn Văn Dũ.

2/. Ông Nguyễn Quốc Định.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2022/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022, về việc “*Tranh chấp yêu cầu không công nhận vợ chồng, xác định cha cho con, cấp dưỡng*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 61/2022/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 08 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 142/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 238/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:** Luật sư Trần Nguyễn Duy T – Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Quách Văn N, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Anh Quách Văn N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

1. Nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Nguyên vào ngày 14/12/2019, chị Nguyễn Thu T và anh Quách Văn N có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã không còn chung sống như vợ chồng từ tháng 4/2020 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, chị T và anh N có 01 con chung tên là Nguyễn Huy T, sinh ngày 24/10/2020, hiện do chị T nuôi dưỡng từ lúc mới sinh cho đến nay. Tài sản chung và nợ chung không có.

Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị T và anh Quách Văn N là vợ chồng.

- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.500.000đồng đến khi trưởng thành (tròn 18 tuổi).

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Quách Văn N trình bày:

Anh Quách Văn N và chị Nguyễn Thị Thu T có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 14/12/2019 đến ngày 06/01/2020 không còn sống chung nữa. Anh N và chị T không có đăng ký kết hôn. Anh N thống nhất không công nhận vợ chồng với chị Nguyễn Thị Thu T.

Do thời gian sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Thu T ngắn và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên anh N xác định anh và chị T không có con chung trong khoảng thời gian chung sống như vợ chồng. Vì vậy, anh N xác định cháu Nguyễn Huy T sinh ngày 24/10/2020 không phải là con của anh N. Do đó, anh N không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị T.

Về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian anh N và chị T sống chung như vợ chồng thì không có tài sản chung, không có mượn nợ ai và cũng không có ai nợ lại.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án hôn nhân sơ thẩm số 61/2022/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 08 năm 2022, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, Điều 227, khoản 1, Điều 228 và Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Quách Văn N.

2. Về con chung:

Tiếp tục giao con chung tên là Nguyễn Huy T, sinh ngày 24/10/2020 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Quách Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Buộc anh Quách Văn N cấp dưỡng nuôi con chung tên là Nguyễn Huy T, sinh ngày 24/10/2020 mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian thực hiện cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 15/8/2022 cho đến khi cháu T trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Quyết định về cấp dưỡng của Tòa án cấp sơ thẩm được thi hành ngay mặc dù Bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Nguyễn Thị Thu T và anh Quách Văn N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, thời hạn và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 07/09/2022, bị đơn Quách Văn N có Đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm 61/2022/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 08 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, với lý do: Giải quyết vụ án khách quan, không đúng theo quy định pháp luật. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về xác định cha cho con và cấp dưỡng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đưa ra những căn cứ, lập luận và cho rằng kháng cáo của bị đơn Quách Văn N là không có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án khách quan và đúng pháp luật, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm là đúng pháp luật. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo của người kháng cáo là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư, Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] *Về tố tụng*: Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của người kháng cáo Quách Văn N là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định, nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và có liên quan đến việc kháng cáo.

[II] *Về nội dung*:

[1] Các bên đương sự thống nhất vào ngày 14/12/2019, nguyên đơn Nguyễn Thu T (nguyên đơn) và bị đơn Quách Văn N (bị đơn) có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Tuy nhiên, theo nguyên đơn T trong quá trình chung sống như vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn có tạo được 01 con chung là bé Nguyễn Huy T, sinh ngày 24/10/2020. Do vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên đã không còn chung sống như vợ chồng từ ngày 06/04/2020 cho đến nay.

[3] Ngược lại, bị đơn N thì không thừa nhận bé Nguyễn Huy T, sinh ngày 24/10/2020 là con đẻ của bị đơn và là con chung giữa nguyên đơn với bị đơn, mà cho là con của nguyên đơn với người đàn ông khác; bị đơn và nguyên đơn không còn chung sống như vợ chồng từ ngày 06/01/2020 cho đến nay.

[4] Về quan hệ hôn nhân, trên thực tế ngày 14/12/2019 giữa nguyên đơn Nguyễn Thu T với bị đơn Quách Văn N có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, tại thời điểm tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng, nguyên đơn T và bị đơn N có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng kể từ thời điểm chung sống và quan hệ hôn nhân không hợp pháp, nguyên đơn T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn T với bị đơn N; được bị đơn N đồng ý. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn T với bị đơn N và giải

quyết về quyền, nghĩa vụ của con là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Theo bị đơn N cho rằng chấm dứt quan hệ tình dục với nguyên đơn T từ ngày 30/12/2019, ngày 31/12/2019 phát hiện nguyên đơn quan hệ tình dục với người đàn ông khác, không còn chung sống như vợ chồng với nguyên đơn kể từ ngày 06/01/2020; bé Nguyễn Huy T, sinh ngày 24/10/2020 là con của nguyên đơn T với người đàn ông khác, nhưng bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh.

[6] Để chứng minh bé Nguyễn Huy T, sinh ngày 24/10/2020 là con đẻ của bị đơn, trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm nguyên đơn cung cấp cho Tòa án các đoạn ghi âm, những nội dung tin nhắn Zalo và yêu cầu Tòa án tiến hành giám định ADN, nhưng bị đơn không thừa nhận, không hợp tác, không cung cấp mẫu và từ chối việc giám định. Tại các Thông báo ngày 12/05/2021 và ngày 20/05/2021 (BL 50,37) Tòa án cấp sơ thẩm cũng cho bị đơn biết việc không hợp tác, không cung cấp mẫu để tiến hành giám định thì xem như bị đơn từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và chịu hậu quả pháp lý theo quy định.

[7] Xét thấy, trên thực tế sau đám cưới nguyên đơn và bị đơn sống chung với nhau như vợ chồng tại nhà số 333/41, đường Phú Lợi, Khóm 3, Phường 2, thành phố Sóc Trăng; địa chỉ này phù hợp với địa chỉ mà bị đơn ghi trên bì thư gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm (BL 154,158) và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn thừa nhận. Đồng thời, tại các Biên bản xác minh ngày 15/01/2022, ngày 07/07/2022 của Công an Phường 2, thành phố Sóc Trăng (BL 259,328) và xác nhận của Công an Phường 2 (BL 146) thể hiện “*Chị Nguyễn Thị Thu T có sinh sống tại nhà số 333/41 đường P, KB, PH, TP S từ ngày 16/12/2019 đến 06/4/2020*”. Do đó, có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thời gian sống chung như vợ chồng từ ngày 16/12/2019 đến 06/4/2020 tại nhà đường P, Khóm B, Phường H, thành phố S là sự thật và phù hợp với thực tế.

[8] Tuy bị đơn không thừa nhận các đoạn ghi âm, những nội dung tin nhắn Zalo mà nguyên đơn cung cấp và cũng không hợp tác để làm rõ, nhưng trong những nội dung tin nhắn Zalo có tin nhắn từ số điện thoại 0939627310. Tại Công văn số 416/2022/CV – VNG ngày 12/5/2022 và Công văn số 547/2022/CV – VNG ngày 26/5/2022 (BL 321) của Công ty cổ phần VNG, xác nhận “*Số 0939627310 là tài khoản - Quách N*”, thông tin này phù hợp với thông tin cá nhân từ Zalo mà nguyên đơn cung cấp (BL 123,322). Do đó, có cơ sở để xác định số điện thoại 0939627310 – tài khoản Zalo “Quách N” là của bị đơn. Xét thấy, trong các thông tin tin nhắn từ Zalo của bị đơn, tại (Hình 3) do nguyên đơn cung cấp có nội dung “*con em không có cha*” (BL 124) đã thể hiện bị đơn biết nguyên đơn đang mang thai, đồng thời biết bào thai đó chính là con của nguyên đơn và bị đơn có được trong thời gian sống chung như vợ chồng. Ngoài ra, nguyên đơn cung cấp nhiều thông tin tin nhắn từ tài khoản Zalo tên nick “Guo Yi” (BL 87 – 112), theo nguyên đơn đây là tài khoản Zalo của bị đơn và đổi lại tài khoản Zalo “Quách N”, sử dụng

cùng số điện thoại 0939627310, có nhiều thông tin về việc thừa nhận con chung giữa nguyên đơn với tài khoản Zalo tên nick “Guo Yi”.

[9] Mặt khác, theo quy định tại Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng; Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân; Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng. Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định*”. Xét thấy, bị đơn không thừa nhận bé Nguyễn Huy T là con của mình thì phải có nghĩa vụ chứng minh nhưng không thực hiện và từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình; nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung như vợ chồng từ ngày 06/04/2020 và nếu theo như bị đơn, giữa nguyên đơn với bị đơn đã chấm dứt quan hệ tình dục từ ngày 30/12/2019, tính đến ngày 24/10/2020 nguyên đơn sinh bé Nguyễn Huy T thì được xác định là con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân nên được coi bé Nguyễn Huy T là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn Quách Văn N là cha đẻ của bé Nguyễn Huy T là có căn cứ.

[10] Xét thấy, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, bé Nguyễn Huy T dưới 36 tháng tuổi và bị đơn cũng không tranh chấp về quyền nuôi bé Tiến, nên cấp sơ thẩm giao bé Tiến cho mẹ là nguyên đơn trực tiếp nuôi là phù hợp. Bị đơn là cha đẻ mà không trực tiếp nuôi bé Nguyễn Huy T nên cấp sơ thẩm buộc có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

[11] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn Quách Văn N là cha đẻ của bé Nguyễn Huy T, giao bé Nguyễn Huy T cho nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và buộc bị đơn Quách Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bé Nguyễn Huy T là có căn cứ và đúng theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, theo nội dung kháng cáo bị đơn Quách Văn N và đề nghị của luật sư là không có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[12] Kiểm sát viên và Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, đề nghị không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của người kháng cáo, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[13] Do kháng cáo không được chấp nhận và bản án sơ thẩm được giữ nguyên, người kháng cáo phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Các quyết định khác của bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo Quách Văn N.

2/. Giữ nguyên bản án hôn nhân sơ thẩm số 61/2022/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 08 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như sau:

“Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, Điều 227, khoản 1, Điều 228 và Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Quách Văn N.

2. Về con chung:

Tiếp tục giao con chung tên là Nguyễn Huy T, sinh ngày 24/10/2020 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Quách Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Buộc anh Quách Văn N cấp dưỡng nuôi con chung tên là Nguyễn Huy T, sinh ngày 24/10/2020 mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian thực hiện cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 15/8/2022 cho đến khi cháu T trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Quyết định về cấp dưỡng của Tòa án cấp sơ thẩm được thi hành ngay mặc dù Bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Nguyễn Thị Thu T và anh Quách Văn N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

5. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu T được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí giám định là 16.000.000 đồng. Chị T đã nhận lại 16.000.000 đồng theo

Thông báo số 786 ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách nên xem như xong.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị Thảo đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009760 ngày 05/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách nên không phải nộp tiếp.

Anh Quách Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.”

3/. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo Quách Văn N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004694 ngày 21/09/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, người kháng cáo Quách Văn N đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4/. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hùng Nuôi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Các Thẩm phán **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Khánh Hùng Trương Tố Hương Phạm Hùng Nuôi